TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14-4-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thuý An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Hữu Tài**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Mến**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Ly** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 432/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Huyền T**, sinh năm 1988. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Đường Minh H**, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: khóm M, thị trấn T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người làm chứng: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1960. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: khóm M, thị trấn T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 04/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đường Minh H thành hôn vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 05/3/2009. Thời gian chung sống được 16 năm, lúc đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, sống không còn hạnh phúc, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm và vợ chồng ly thân hơn 04 tháng nay không hàn gắn lại được. Nay xét thấy tình cảm không còn, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đường Minh H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đường Minh T, sinh ngày 22/8/2009 và Đường Minh T1, sinh ngày 04/5/2012 hiện đang sống chung với anh H. Chị yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 17/3/2025, người làm chứng bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là mẹ ruột của anh Đường Minh H. Giữa chị T và anh H thành hôn do giới thiệu, có quen biết tìm hiểu đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chị T, anh H phát sinh mâu thuẫn, cự cãi do anh H ham chơi, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Về con chung của chị T và anh H có 02 con chung đang sống chung với anh H và gia đình nội, các cháu đang đi học, cuộc sống của các cháu được đảm bảo. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chị T, anh H không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do dù Toà án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, văn bản tố tụng là vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với anh Đường Minh H. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 con chung tên Đường Minh T, sinh ngày 22/8/2009 và Đường Minh T1, sinh ngày 04/5/2012 cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đường Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị T nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn, khấu trừ 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0011785 ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị T đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huyền T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Đường Minh H cư trú khóm M, thị trấn T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T có đơn xin vắng mặt ngày 16/12/2024, bị đơn anh Đường Minh H được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.3] Người làm chứng bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà H đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Đường Minh H thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22 vào ngày 05/3/2009 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị T và anh H thời gian đầu sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau và vợ chồng ly thân khoảng thời gian từ khoảng tháng 7/2024 đến nay không hàn gắn được. Theo lời trình bày của người làm chứng bà Nguyễn Thị H xác định giữa anh H và chị T phát sinh mâu thuẫn do anh H ham chơi, không chăm lo gì cho gia đình, gia đình hai bên đã tạo điều kiện để hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ để Toà án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh H vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị T và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy con chung tên Đường Minh T, sinh ngày 22/8/2009 và Đường Minh T1, sinh ngày 04/5/2012 hiện đang sống với anh H và gia đình nội nhưng các cháu có nguyện vọng sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H không có ý kiến gì về việc chị T yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, bà Nguyễn Thị H là mẹ ruột của anh H cũng xác định anh H ham chơi, không chăm lo cho gia đình. Hội đồng xét xử xét giao 02 con chung cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đường Minh H không phải cấp

dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Huyền T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Huyền T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T. Xử cho chị T ly hôn với anh Đường Minh H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Đường Minh T, sinh ngày 22/8/2009 và Đường Minh T1, sinh ngày 04/5/2012 cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đường Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Huyền T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Huyền T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị T đã nộp theo biên lai thu số 0011785 ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND thị trấn T (xã T cũ), huyện T1, tỉnh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 05/3/2009);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thuý An